

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 105/2024/HS-ST
Ngày: 28/11/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Trường Sơn (Nguyên là giáo viên).
- Ông Lê Trung Thiêng (Nguyên là giáo viên).

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2024/TLST-HS ngày 22/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HS ngày 13/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H (tên gọi khác: H. Đ); Giới tính: Nam; Sinh ngày 25/10/2003 tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Nơi thường trú và nơi ở: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn Văn Nh (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

2. Văn Phú Kh; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/10/2007 tại: huyện D, tỉnh Quảng Nam; Nơi thường trú và nơi ở: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Văn Phú C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn B; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/10/2007 tại: huyện D, tỉnh Quảng Nam; Nơi thường trú và nơi ở: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn Văn Nh (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1978; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *Có mặt tại phiên tòa.*

** Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:*

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Văn Phú Kh: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1978; trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là mẹ ruột bị cáo Kh); *Có mặt.*

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn B: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1982; trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là chú ruột bị cáo B); *Có mặt.*

** Người bào chữa của các bị cáo:*

- Người bào chữa của bị cáo Văn Phú Kh: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ph** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn B: Bà **Hường Thị Bích D** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

** Bị hại: Nguyễn Văn Trường V*, sinh ngày 08/6/2008; trú tại: thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

** Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn Trường V: Bà Nguyễn Thị Ph*, sinh năm 1977; trú tại: thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là mẹ ruột của V); *Có mặt.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Nguyễn Thành H**, sinh ngày 28/11/2007; trú tại: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- **Đỗ Anh T**, sinh ngày 26/4/2007; nơi thường trú: thôn H, xã Ph, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi ở hiện tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- **Trương Công Hoàng Minh L**, sinh ngày 01/01/2007; trú tại: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- **Nguyễn Quang V** (tên gọi khác: W), sinh ngày 20/4/2007; trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- **Nguyễn Hữu A**, sinh ngày 03/3/2008; trú tại: thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- **Nguyễn Phước Q** (tên gọi khác: D), sinh năm 2003; trú tại: khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1978; trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- Ông **Nguyễn Công Ph**, sinh năm 1989; trú tại: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Vắng mặt.*

- Ông **Nguyễn Thành Tr**, sinh năm 1981; trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

- Bà **Lương Thị Hồng Tr**, sinh năm 1981; trú tại: thôn H, xã Ph, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; *Có mặt.*

** Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành H: Ông **Nguyễn Thành Tr**, sinh năm 1981; trú tại: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là cha ruột của H); *Có mặt.*

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Anh T: Bà **Lương Thị Hồng Tr**, sinh năm 1981; trú tại: thôn H, xã Ph, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (là mẹ ruột của Tú); *Có mặt*.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Công Hoàng Minh L: Bà **Hồ Thị Ph**, sinh năm 1980; trú tại: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là mẹ ruột của L); *Có mặt*.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quang V: Bà **Huỳnh Thị Kim T**, sinh năm 1987; trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là mẹ ruột của V); *Có mặt*.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu A: Ông **Nguyễn Hữu Ng**, sinh năm 1981; trú tại: thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là cha ruột của A); *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 ngày 03/3/2024, Nguyễn Văn B cùng Văn Phú Kh, Nguyễn Thành H (*trú tại: khối phố M, thị trấn N, huyện D*), Đỗ Anh T (*trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D*) và Trương Công Hoàng Minh L (*trú tại: khối phố M, thị trấn N, huyện D*) đang đứng tại hồ bơi thuộc khối phố X, thị trấn N đợi vào tắm thì Kh thấy Nguyễn Quang V (*trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D*) điều khiển chở em Nguyễn Văn Trường V (*sinh ngày 08/6/2008, trú tại: thôn T, xã S, huyện D*) đi ngang qua. Kh biết V có mâu thuẫn với Nguyễn Văn H là anh ruột của Nguyễn Văn B nên nói với B vừa nhìn thấy V. B nhớ lại Nguyễn Văn H có kể cho B về mâu thuẫn trước đó với Nguyễn Hữu A (*trú tại: thôn T, xã S, huyện D*) và Nguyễn Quang V. Thấy Nguyễn Quang V chở theo Nguyễn Văn Trường V, B nghĩ V chở A nên B nói Kh lấy xe đuổi theo xe V để bắt A về xin lỗi Nguyễn Văn H. Ngay đó, B điều khiển xe mô tô BKS 92D1-662.94 (*xe này của bà Nguyễn Thị Th là mẹ ruột của Kh đứng tên chủ sở hữu*) chở Kh đuổi theo V. B nói Nguyễn Thành H, T, L đứng chờ nhưng cả ba vẫn chạy theo sau xe B và Kh. Khi đi đến quán internet T (*cạnh sân bóng G thuộc thôn T, xã S*) thì Nguyễn Quang V và Nguyễn Văn Trường V dừng xe trước quán. B chạy đến dùng hai tay thúc vào vai của V và nói: “*Sao tụi bây đánh anh hai tau*”, V nghe vậy liền bỏ chạy vào bên trong quán internet. Nguyễn Văn Trường V thấy Nguyễn Quang V chạy cũng bỏ chạy về hướng sau trường THPT Nguyễn Hiền. Tường V là A, B điều khiển xe chở Kh chạy theo V, khi đến trường Nguyễn Hiền thì thấy V leo rào vào trong trường Nguyễn Hiền. B dừng xe lại, Kh nhảy xuống xe và leo tường rào đuổi theo V. Hết đường chạy nên V dừng lại. Kh chạy tới có dùng tay bóp vào sau cổ V dẫn lại ghế gỗ gần đó. V sợ nên đi theo Kh lại ghế ngồi theo ý của Kh. Lúc này, B chạy đến, dùng hai tay cầm xóc cổ áo của Nguyễn Văn Trường V lên hỏi nhiều lần: “*Mi có phải là thằng A không*”, thì V nói là: “*Em không phải là Ân, em là V, em mới đi chơi lại với Nguyễn Quang V nên không biết chi hết*”. Sau đó, Nguyễn Thành H, T, L cũng chạy tới, T và L đứng ngoài hàng rào còn Nguyễn Thành H thì vào trong, B mượn điện thoại của Nguyễn Thành H, gọi cho Nguyễn Văn H qua ứng dụng Messenger trên điện thoại và quay camera về phía Nguyễn Văn Trường V, nói với Nguyễn Văn H: “*Em có bắt thằng ni mà không biết có phải thằng A không*”. Nguyễn Văn H không thấy rõ mặt, nói với B “*Chờ hẩn về nhà nói chuyện*” thì B tắt máy. V nghe vậy thì có nói với B là: “*Nói anh H. Đ (tức Nguyễn Văn H) lên đây nói chuyện*” thì Kh có nói với V là: “*Mi có phải ông nội đâu mà nói anh H. Đ lên*

đây nói chuyện” nhằm dọa cho V sợ đi theo B. Thấy Nguyễn Văn Trường V hoảng sợ, không chịu đi, B trấn an V: “*em đi với anh, anh dẫn em về nhà nói chuyện xít*”. Do thấy nhóm B nhiều người, sợ bị đánh, nên V khai V đồng ý. Sau đó, Kh dùng xe mô tô BKS 92D1-662.94 chở V ngồi giữa, B ngồi sau chở V về nhà B. Trên đường đi về thì B có nói với V là: “*Em yên tâm đi về nói chuyện không có ai làm chi em đâu*”. T, L, Nguyễn Thành H thì điều khiển xe chạy theo sau về nhà B cách trường Nguyễn Hiền khoảng hơn 03km. Khi chở V đến nhà B, thì Nguyễn Văn H vừa về tới, Nguyễn Văn H nói B là dẫn V vào nhà. Nguyễn Thành H, T, L, Kh thì ngồi ngoài sân nhà. Khi vào phòng khách thì Nguyễn Văn H ngồi xuống, đến V, rồi đến B, ngoài ra trong nhà còn có Nguyễn Phước Q (sinh năm 2003, trú tại khối phố L, thị trấn N) là bạn của Nguyễn Văn H nhưng Q ngồi chơi ở xa không nói gì. Nguyễn Văn H nói B khép cửa chính, Nguyễn Văn H khép cửa sổ. Nguyễn Văn H nói với B là: “*thằng ni không phải là thằng A*”, rồi Nguyễn Văn H hỏi V là: “*Mi có dính tới vụ ni không*” (nghĩa là vụ mâu thuẫn trước đó giữa H với A, Nguyễn Văn V), Nguyễn Văn Trường V nói là “không có”, Nguyễn Văn H hỏi: “*có biết thằng V, A ở đâu không*”, V nói là “mới đi chơi lại nên không biết”, Nguyễn Văn H nói V: “*mi lấy điện thoại nhắn tin cho V và A xin lỗi anh H tiếng*”. Nhưng V nói không mang theo điện thoại, rồi Nguyễn Văn H nói B đưa điện thoại H cho V tự vô facebook của V rồi điện cho Nguyễn Quang V nhưng Nguyễn Văn Trường V không nhớ mặt khẩu. Thấy V có thái độ nói dối, H nói B đánh V “*tai*” nhưng B nói: “*nó còn nhỏ, không liên quan, đánh chi tội hần*” nên B không đánh. Rồi B lấy xe của Kh chở V về lại gần quán internet thôn T, xã S.

Sau sự việc xảy ra, Nguyễn Văn H cùng Nguyễn Văn B và Văn Phú Kh tự nguyện đến xin lỗi, bồi thường chi phí liên quan cho gia đình Nguyễn Văn Trường V số tiền 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ph (mẹ ruột của V) đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

*** Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:** 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, màu trắng, BKS 92D1-896.87 của Đỗ Anh T; 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đen đỏ, BKS 92D1-662.94 của Văn Phú Kh và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, BKS 92N1-069.99 thu giữ của Nguyễn Thành H.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại: 01 xe mô tô BKS 92D1-896.87 cho bà Lương Thị Hồng Tr (trú tại: thôn n, xã Ph, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam); 01 xe mô tô BKS 92D1-662.94 cho bà Nguyễn Thị Th (trú tại: khối phố X, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam) và 01 xe mô tô BKS 92N1-069.99 cho ông Nguyễn Thành Tr (trú tại: khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam).

*** Tại Cáo trạng số: 93/CT-VKSDX ngày 14/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như sau:** Nguyễn Văn H, Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B về tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:** Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như Cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- **Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B về tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- **Về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo:**

(1) Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

(2) *Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 100; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B.*

Đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn H 09 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 30 tháng.

- Các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B cùng 09 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

***Tại phiên tòa:** Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Những người bào chữa cho các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tại thời điểm thực hiện việc phạm tội các bị cáo Kh và B là người chưa thành niên, có hạn chế nhất định trong nhận thức và điều khiển hành vi, đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ ra biết ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo hình phạt ở mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị và áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ để có cơ hội sửa chữa sai lầm và sống có ích cho xã hội là phù hợp với quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đại diện hợp pháp của các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B thống nhất với quan điểm của người bào chữa.

Các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B không bổ sung ý kiến bào chữa gì thêm.

Bị hại, người đại diện hợp pháp bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai báo phù hợp với lời khai của các bị cáo và nội dung vụ án nêu trên.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- **Về các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng:** Cơ quan điều tra Công an huyện D và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

- **Việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai cần thiết cho giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

{2.1}. Về hành vi, căn cứ buộc tội các bị cáo: Xét lời nhận tội của các bị cáo cáo Nguyễn Văn H, Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại; những người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan; vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn trước đó với Nguyễn Hữu A và Nguyễn Quang V, vào khoảng 13 giờ 45 phút ngày 03/3/2024 tại sân trường THPT Nguyễn Hiền, các bị cáo Nguyễn Văn H cùng Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B là người không có thẩm quyền, đã có hành vi khống chế bắt, giữ Nguyễn Văn Trường V (sinh ngày 08/6/2008, trú tại: thôn T, xã S, huyện D- bạn của Nguyễn Hữu A và Nguyễn Quang V) là người dưới 18 tuổi trái pháp luật đưa về nhà bị cáo Nguyễn Văn H để giải quyết mâu thuẫn.

Như vậy, hành vi và hậu quả nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn H, Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B đủ yếu tố cấu thành tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” với tình tiết định khung tăng nặng: “*Đối với người dưới 18 tuổi,...*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như nội dung truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét nội dung quan điểm người bào chữa cho các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

{2.2}. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B và Văn Phú Kh có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình, nhận thức được hành vi khống chế bắt giữ bị hại là hành vi trái pháp luật mà vẫn thực hiện việc phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong đời sống nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, theo quy định pháp luật nên cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục riêng, đồng thời ren đe phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

{2.3}. Về phân hóa tội phạm: Giữa các bị cáo H, Kh và B cùng thực hiện việc tội phạm bắt, giữ người trái pháp luật nhưng đây là hình thức đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chỉ bộc phát nhất thời, không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ chặt chẽ. Trong vụ án này, các bị cáo Kh và B là những người khởi xướng thực hiện việc phạm tội, dùng xe máy và chạy bộ rượt đuổi theo bắt bị hại Nguyễn Văn Trường V, bị cáo Kh có hành vi dùng tay bóp phía sau cổ bị hại V. Khi bị hại V bị bắt lại nói không phải là A nhưng khi được bị cáo Nguyễn Văn H yêu cầu đưa bị hại V về nhà, các bị cáo Kh và B đã có hành vi đưa bị hại V lên xe và chở về nhà bị cáo H, trái với ý muốn bị hại V, mặc dù không có dùng bạo lực đối với bị hại V nhưng hành vi của các bị cáo Kh và B đã làm cho bị hại V lo sợ làm theo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H là người không có thẩm quyền nhưng khi được bị cáo Nguyễn Văn B thông báo đã bắt được người nghi ngờ là A (là người có mâu thuẫn với bị cáo H trước đó), bị cáo H đã yêu cầu bị cáo B chở bị hại V về nhà, khi biết bị hại V không phải là A nhưng vẫn yêu cầu bị cáo B dẫn bị hại V vào nhà và nói bị cáo B khép cửa lại, tra hỏi và đòi đánh bị hại V. Vì vậy, vai trò thực hiện việc phạm tội của các bị cáo H, Kh và B trong vụ án là ngang nhau.

{2.4}. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Khi phạm tội các bị cáo H, Kh và B có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, sau khi sự việc xảy ra các bị cáo tự nguyện đến xin lỗi và bồi thường chi phí khắc phục hậu quả cho bị hại, tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương là các

tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sẽ xem xét tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B khi lượng hình.

Xét thấy, các bị cáo H, Kh và B có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Xét thấy, các bị cáo H, Kh và B thực hiện hành vi phạm tội tính chất chỉ mức độ, bộc phát nhất thời, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, khi sự việc xảy ra các bị cáo tự nguyện đến xin lỗi và bồi thường chi phí khắc phục hậu quả cho bị hại, tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo H được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục đối với bị cáo cũng thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, có điều kiện chăm lo cuộc sống gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội; các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi (dưới 18 tuổi) nên có hạn chế nhất định trong việc nhận thức và điều khiển hành vi nên áp dụng Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với các bị cáo, đồng thời áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Kh và B là cải tạo không giam giữ và giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định và bị khấu trừ một phần thu nhập để sung ngân sách nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Kh và B chưa đủ 18 tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập nào khác nên không phải thực hiện nghĩa vụ khấu trừ thu nhập.

{2.5}. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo H, Kh và B tự nguyện bồi thường cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả gây ra, tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp của bị cáo không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{2.6}. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô BKS 92D1-896.87 cho bà Lương Thị Hồng Tr, trả lại 01 xe mô tô BKS 92D1-662.94 cho bà Nguyễn Thị Th và trả lại 01 xe mô tô BKS 92N1-069.99 cho ông Nguyễn Thành Tr nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{2.7}. Những vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với Nguyễn Thành H, Trương Công Hoàng Minh L, Đỗ Anh T có hành vi đi theo các bị cáo Nguyễn Văn B và Văn Phú Kh mà không giúp sức, hỗ trợ cho các bị cáo B và Kh bắt, giữ Nguyễn Văn Trường V và hành vi trên không cấu thành tội: “*Không tố giác tội phạm*” quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thành H, Trương Công Hoàng Minh L và Đỗ Anh T là phù hợp.

Đối với Nguyễn Quang V và Nguyễn Hữu A chỉ mâu thuẫn trước đó với bị cáo Nguyễn Văn H không liên quan gì đến vụ việc nên không xem xét xử lý trong vụ án là phù hợp.

Đối với Nguyễn Phước Q tại nhà bị cáo Nguyễn Văn H, Q chỉ ngồi từ xa chơi, không biết và không tham gia việc bắt, giữ Nguyễn Văn Trường V nên không xem xét xử lý trong vụ án là phù hợp.

{2.8}. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội các bị cáo Nguyễn Văn H, Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên người đại diện hợp pháp của bị cáo Kh là bà Nguyễn Thị Th (mẹ ruột bị cáo Kh), người đại diện hợp pháp của bị cáo B là ông Nguyễn Văn B (chú ruột bị cáo B) chịu trách nhiệm nộp thay cho các bị cáo khoản tiền án phí nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh đối với các bị cáo: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B phạm tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **12 (Mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **24 (Hai mươi bốn)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/11/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách án treo, nếu bị cáo Nguyễn Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 100; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Văn Phú Kh **15 (Mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao thi hành án.

Giao bị cáo Văn Phú Kh cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 100; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B **15 (Mười lăm)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B và mỗi bị cáo phải chịu **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các bị cáo Văn Phú Kh và Nguyễn Văn B là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên người đại

đại diện hợp pháp của bị cáo Kh là bà Nguyễn Thị Th (mẹ ruột bị cáo Kh), người đại diện hợp pháp của bị cáo B là ông Nguyễn Văn B (chú ruột bị cáo B) chịu trách nhiệm nộp thay cho các bị cáo khoản tiền án phí nêu trên.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xin xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 28/11/2024*). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản sao bản án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Chi cục THADS huyện D;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

